PHỤC LỤC 01

BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SXKD VÀ ĐỊA LÝ PHÂN PHỐI CỦA NHÀ SXKD NGOÀI TỈNH THÁNG 5 NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: 1154 /TB-SXD ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I. XI MĂNG																
1	**Công Ty Cổ phần xi măng Công Thanh (Số 2/14-2/16, đường Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1.TP HCM, điện thoại:02373 977502). Bảng báo giá số 04/21/BBG/XMCT-KD ngày 08/01/2021.Gía bán xi măng Công Thanh PCB40 bao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ tháng 01/2021 đến hết tháng 6/2021**															
					Gía bán tại các cửa hàng khu vực trung tâm											
	Xi măng Công Thanh (PCB 40)	Bao 50kg			79.500			79.500			79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	
2	**Sản phẩm Xi măng VICEM Hà Tiên của Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 .** **Danh sách các nhà phân phối sản phẩm Xi măng Vicem Hà Tiên tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng:** **- Công ty TNHH TMXD-VT Vũ Thiện (số 815 Trần Phú thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, ĐT: 0263.3863.175).** **- Công ty TNHH Thiên Tự Phước (Thôn Pâng Pung, TT.Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng), ĐT: 0263.3829.653.** Đề nghị đơn vị tư vấn, chủ đầu tư liên hệ với Nhà phân phối sản phẩm Xi măng Vicem Hà Tiên tại tỉnh Lâm Đồng theo địa chỉ và số điện thoại nêu trên để biết Báo giá cụ thể															
3	**Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long.Địa chỉ: Lô A3, KCN Hiệp Phước, Long Thới, Nhà Bè.Tp HCM. Điện thoại: (08) 3780 0912, theo Công văn số 63/CV/2020/CN-BHMN ngày 14/12/2020 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.Thời gian đăng ký: Qúy I,II/2021 (từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021)**															
					Giá bán lẻ tại các địa phương trong tỉnh Lâm Đồng											
	XM Thăng Long PCB 40 nhãn hiệu Rồng Đỏ (bao 50kg)	đ/bao			81.818		81.818	81.818		81.818	81.818	81.818	81.818	81.818		
II	**GẠCH , ĐÁ ỐP LÁT**															
1	**Chi nhánh Quảng Nam-Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm.Địa chỉ: Lô 03,KCN Điện Nam, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại :0905520058, liên hệ anh Nguyễn Quang, kèm theo báo giá số 01/2021/SXDTLĐ ngày 01/01/2021, thông báo giá bán quý 1&2 năm 2021 của Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm.**															
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập Platinum				**Giá giao tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Gạch 60 x 60 cmPLATINUM 001/002/003/004	m^2			418.182											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).6060PLATINUM 005	m^2			445.455											
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).8080PLATINUM 001/002/003/004	m^2			600.000											
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).8080PLATINUM 005/006	m^2			660.000											
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập Premium															
	Gạch Granite men mờ (60 x 60 cm).6060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	m^2			369.091											
	Gạch Granite men mờ (30 x 60 cm).3060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	m^2			360.000											
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập gạch gỗ															
	Gạch Granite men mờ (40 x 80 cmDTD4080GOSAN004/005	m^2			301.818											
	Gạch Granite men mờ (60 x 60 cm).3060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	m^2			247.273											
	Gạch lát nền vệ sinh															
	Gạch Cremic men mờ (25x25cm)BAOTHACH 001	m^2			128.182											
	Gạch Cremic men mờ (25x25cm)2525CARASA001/002	m^2														
	Gạch Cremic men mờ (30X30cm)TIENSA001/003/004	m^2			161.818											
	Gạch Cremic men mờ (30X30cm)3030BANA001	m^2														
	Gạch Cremic men mờ (30x30cm)3030ANDE001	m^2			181.818											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Cremic men mờ (40x40cm)4040THẠCH ANH006	m^2			196.364											
	Gạch Cremic men mờ (40x80cm)4080TAYBA001/002/003/004	m^2			295.455											
	Gạch lát nền các loại															
	Gạch Cremic men bóng (30x30cm) 300;345;387	m^2			148.182											
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 469;475;481;484;485	m^2			131.818											
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm)456;462;467	m^2														
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 426	m^2			140.909											
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 428	m^2			158.182											
	Gạch Granite men mờ (40x40cm)4040SAPA001	m^2			196.364											
	Gạch Granite men mờ (40x40cm)4040THACHANH001/002/	m^2														
	Gạch Granite muối tiêu (40x40cm)4GA01	m^2			218.182											
	Gạch Granite muối tiêu (40x40cm)4GA43	m^2			240.000											
	Gạch Granite men mờ (30x60cm)3060SAHARA005/006/007/008/009/010/011/012	m^2			250.000											
	Gạch Granite men mờ (30x60cm)3060DIAMOND001/002/003	m^2														
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060TAMADA001/002/003/004/006	m^2			233.636											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060THẠCHANH002	m^2			233.636											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060PHUSA002	m^2			233.636											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060THACHNGOC001	m^2			233.636											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060VENU001/002	m^2			233.636											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060BINHTHUAN001/002/004/005	m^2														
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060OMEN001/003/004/005	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060DA004-FP/005-FP/006-FP/007-FP/008-FP/011-FP/12-FP/013-FP/014	m^2			244.545											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060TAMADA005	m^2			247.273											
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060MOMEN002	m^2														
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060CHAMPA002/003	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060HAIVAN001-FP/003-FP/004-FP	m^2			258.182											
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTD6060TRUONGSON002-FP/003-FP-004-FP/005-FP/007-FP	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTD6060CARARAS002-FP	m^2			258.182											
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060DA015-FP	m^2														
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTS6060BRIGH001-FP	m^2			286.364											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTD6060TRUONGSON001-FP															
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060SNOW001-FP	m^2								286.364						
	Gạch Granite mài men (60x60cm)HAVAN005-FP/006-FP-007-FP	m^2														
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060DB006-NANO/038-NANO	m^2								289.091						
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060DB032-NANO/034-NANO	m^2								309.091						
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060MARMOL002-NANO	m^2														
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060MARMOL005-NANO	m^2								328.182						
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080NAOLEON001	m^2								314.545						
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080NAOLEON005	m^2														
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080TRUONGSON003	m^2								344.545						
	Gạch Granitemài men 80x80 DTD080TRUONGSON001	m^2								344.545						
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080FANSIFAN001	m^2														
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080FANSIFAN002	m^2														
	GẠCH ỐP TƯỜNG:															
	a. Bộ sưu tập Luxury:															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Cremic men mờ 30X60 AMBER003/004	m^2			244.545											
	Gạch Cremic men mờ 30X60 COTTON001/002/003/004/005/006	m^2			244.545											
	Gạch Cremic men mờ 30X60RETRO 001/002	m^2														
	Gạch Cremic men mờ 30X60RETRO 001	m^2														
	Gạch Cremic men mờ 30X60TIENSA001/002/003/004	m^2														
	Gạch Cremic men bóng 30X60AMBER001/002/005/006/007/008	m^2			244.545											
	Gạch Cremic men bóng 30X60 ROXY001/002/003/004/005/006/007	m^2														
	Gạch Cremic men bóng 30X60SNOW001	m^2														
	Gạch Cremic men bóng 40x80ROXY001-H+/ 003-H+	m^2			299.455											
	Gạch Cremic men bóng 40x80AMBER001-H+	m^2														
	b. Gạch ốp tường các loại:															
	Gạch Cremic men bóng 20x20TL01/03	m^2			148.182											
	Gạch Cremic men bóng 25x40CARARAS001	m^2			128.182											
	Gạch Cremic men bóng 25400 (25x40)	m^2			136.364											
	Gạch Cremic men bóng (25x40) 2540B BAOTHACH001	m^2														
	Gạch Cremic men bóng (25x40) 2540 CARARAS002	m^2														

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Gạch Cremic men bóng (25x40)2540 TAMDAO001	m^2														
	GẠCH TRANG TRÍ:															
	a. Bộ sưu tập Mosaic 30x30cm															
	Gạch Granite cắt thủy lực dán lưới 30x30 Mosaic 001/002/003/004/005/006/007/008/009/010/011/012/013	m^2			378.182											
III.THÉP XÂY DỰNG																
1	**Công ty TNHH THÉP SeAH Việt Nam.Địa chỉ: số 7, đường 3A KCN Biên Hòa II, Đồng Nai.Điện thoại: 093 800 1498, theo Bảng kê khai mức giá kèm theo công văn số 3 ngày 04/5/2021 của Công ty TNHH THÉP SeAH Việt Nam.**															
					Gía giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng ,không bao gồm chi phí bốc xếp											
1	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.0 đến 1.5 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			26.950											
2	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.6 đến 1.9 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			26.150											
3	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 2.0 đến 5.4 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			25.850											
4	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 5.5 đến 6.35 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			25.850											
5	Ống thép đen (ống tròn) độ dày trên 6.35 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			26.050											
6	Ống thép đen độ dày 3.4 mm đến 8.2 mm.**Đường kính từ DN 125 đến DN 200**	đ/kg			26.050											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Ống thép đen độ dày trên 8.2 mm.**Đường kính từ DN 125 đến DN 200**	đ/kg			26.450											
8	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 1.6 đến 1.9 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			31.850											
9	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 2.0 đến 5.4 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			31.050											
10	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày trên 5.4 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 100**	đ/kg			31.050											
11	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 3.4 mm đến 8.2 mm.**Đường kính từ DN 125 đến DN 200**	đ/kg			31.450											
12	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày trên 8.2 mm.**Đường kính từ DN 125 đến DN 200**	đ/kg			31.850											
13	Ống tôn kẽm (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.0 mm đến 2.3 mm.**Đường kính từ DN 10 đến DN 200**	đ/kg			27.150											
IV. NHÓM SƠN. BỘT TRÉT TƯỜNG																
1	**Công ty TNHH KOVA NANOPRO.** Địa chỉ: Khu B2-5, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi.Tp.Hồ Chí Minh, điện thoại:028 3620 3797-Line:601. Theo bảng niêm yết giá kèm theo công văn số CV-Kova /0521-03 ngày 13/5/2021 của Công ty.Mức kê khai thực hiện từ ngày 20/5/2021 cho đến ngày có thông báo mới.															
					Giá áp dụng cho tất cả huyện, thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng, đã bao gồm chi phí vận chuyển.											
	Sơn nội thất															
	Sơn nội thất KOVA VISTA+ (25kg)	đ/thùng			1.101.136											
	Sơn nội thất KOVA K-203 (25kg)	đ/thùng			1.363.864											
	Sơn nội thất KOVA SUNRISE+ (25kg)	đ/thùng			1.273.864											
	Sơn nội thất KOVA K-260 (25kg)	đ/thùng			1.928.409											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Sơn ngoại thất															
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA K-208 (25kg)	đ/thùng			2.358.929											
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA KV-117 (18 lít)	đ/thùng			2.811.818											
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-04 (20kg)	đ/thùng			3.354.675											
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA VILLA (20kg)	đ/thùng			2.048.182											
	Bột trét															
	+ Nội thất															
	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CROWN (40kg)	đ/bao			405.455											
	Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA (40kg)	đ/bao			307.273											
	+ Ngoại thất															
	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CROWN (40kg)	đ/bao			540.000											
	Bột trét ngoại thất KOVA CITY (40kg)	đ/bao			518.182											
	Sơn lót, chống thấm															
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207 (25kg)	đ/thùng			2.380.227											
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209 (25kg)	đ/thùng			2.913.864											
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA HydroProof CT-04 (4kg)	đ/thùng			866.000											
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-06 (20kg)	đ/thùng			4.377.273											
2	**Công ty Cp L.Q JOTON.Địa chỉ: 188C Lê Văn Sỹ,P.10.Q.Phú Nhuận.Tp HCM.Điện thoại:0838461970-2, theo Bảng báo giá số 15-21/BBG-GT-DA ngày 01/5/2021 kèm theo công văn đề nghị công bố của giá Sơn giao thông JOTON tại Sở Xây dựng của Công ty Cổ phần L.Q JOTON.Bảng giá có giá trị từ ngày 01/5/2021 và sẽ thay đổi khi có thông báo khác.**															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Sơn giao thông					**Giá bao gồm chi phí giao hàng trong phạm vi tỉnh Lâm Đồng**										
	Sơn giao thông lót (16kg/thùng)	đ/kg				77.220										
	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang -JOPT25 (25 kg/bao)	đ/kg				22.990										
	Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang -JOPV25 (25 kg/bao)	đ/kg				23.980										
	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen) (25kg/thùng)	đ/kg				102.520										
	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng,đỏ) (25kg/thùng)	đ/kg				126.500										
	Sơn nội thất	**Bảng giá có giá trị từ ngày 02/01/2021 và sẽ thay đổi đến khi có Thông báo khác. Gía giao hàng trong phạm vi TP. Đà Lạt**														
	Sơn nội thất cao cấp-PEACE 1 (18l/thùng)	đ/thùng	1.220.000		1.220.000											
	Sơn nội thất trung cấp-PEACE 1 (18l/thùng)	đ/thùng	893.000		893.000											
	Sơn nội thất kinh tế-PEACE 3 (18l/thùng)	đ/thùng	610.000		610.000											
	Sơn ngoại thất															
	Sơn ngoại thất cao cấp-LOTUS 1 (18l/thùng)	đ/thùng	3.096.000		3.096.000											
	Sơn ngoại thất trung cấp-LOTUS 2 (18l/thùng)	đ/thùng	1.850.000		1.850.000											
	Sơn ngoại thất kinh tế-LOTUS 3 (18l/thùng)	đ/thùng	1.305.000		1.305.000											
	Sơn lót															
	Sơn lót ngoại thất PROS (18l/thùng)	đ/thùng	1.529.000		1.529.000											
	Sơn lót nội thất PROSIN (18l/thùng)	đ/thùng	952.000		952.000											
	Bột trét															
	Bột trét nội thất PASSION INT (40kg/bao)	đ/bao	253.000		253.000											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Bột trét ngoại thất PASSION EXT (40kg/bao)	đ/bao	321.500		321.500											
5	**Công ty TNHH SX TM & XD BẢO SƠN.Địa chỉ trụ sở chính và nhà máy SX: KCN Bá Thiện, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên.Tỉnh Vĩnh Phúc.Điện thoại:0211 6285888, kèm theo công văn số 02.02.2021/HC-BS ngày 02/02/2021. Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 của CTy TNHH SX TM& XD Bảo Sơn**															
	Sơn phủ ngoại thất				**Gía bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**											
	Sơn JYKA 9IN1 High Gloss (5 lít)	5L			1.035.000											
	Sơn JYKA NANO CLEAN (5 lít)	5L			830.000											
	Sơn JYKA SUPER SATIN (5 lít)	5L			698.000											
	Sơn JYKA SUPER SATIN (18 lít)	18L			2.345.000											
	Sơn JYKA 5IN1 ngoại thất (18 lít)	18L			1.176.000											
	Sơn phủ nội thất															
	Sơn JYKA 8IN1 High Gloss (5 lít)	5L			877.000											
	Sơn JYKA 7IN1 (5 lít)	5L			687.000											
	Sơn JYKA 7IN1 (18 lít)	18L			2.194.000											
	Sơn lót nội,ngoại thất															
	Sơn JYKA lót kiềm Nano co giãn ngoại thất (18 lít)	18L			1.870.000											
	Sơn JYKA lót kiềm Nano co giãn nội thất (18 lít)	18L			1.427.000											
	Sơn tính năng															
	Sơn JYKA chống thấm trộn xi măng (18 lít)	18L			1.594.000											
	Sơn JYKA chống thấm màu (18 lít)	18L			1.755.000											
	Sơn JYKA chống thấm sàn (20 kg)	20Kg			1.595.000											
	Sơn JYKA chống thấm ngược (5 kg)	5Kg			556.000											
	Bột bả															
	Bột trét JYKA cao cấp chống thấm 3in1 (40kg)	40Kg			293.000											
	DUTET ngoại thất (40kg)	40Kg			195.000											
	DUTET nội thất (40kg)	40Kg	162.000		162.000											
V	**NHÓM NGÓI**															
2	**Công Ty CP Gạch Ngói Đồng Nai.Địa chỉ: 119 Điện Biên Phủ.Q1.Tp.HCM.điện thoại :(028) 38228124, theo công văn số 04A/CV-TMTUILDONAI ngày 02/01/2021.Bảng giá sản phẩm áp dụng từ tháng 01/2021 đến khi có Bảng giá mới**															
	Ngói 10 (10 viên/m2)	đ/viên			24.545						24.091					
	Ngói 22 (22 viên/m2)	đ/viên			14.091						13.636					

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Ngói 22 Demi	đ/viên			8.636	Địa bàn Di Linh, Đam Rông, Đức Trọng, Lâm Hà, Đơn Dương					8.182	Địa bàn Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Lạc Dương				
	Ngói nóc	đ/viên			26.364	liên hệ với công ty để có báo giá cụ thể từng địa bàn					25.455	liên hệ với công ty để có báo giá cụ thể từng địa bàn				
	Ngói nóc cuối	đ/viên			47.273						46.364					
	Ngói chạc 3	đ/viên			68.182						67.273					
	Ngói chạc 4	đ/viên			90.909						90.909					
	Ngói vảy cá	đ/viên			7.727						7.455					
	Ngói mũi hài 120 (120 viên/m2)	đ/viên			4.545						4.091					
	Ngói mũi hài 65 (65 viên/m2)	đ/viên			8.182						7.909					
	Ngói mũi hài 50 (50 viên/m2)	đ/viên			10.909						10.455					
	Ngói tiểu	đ/viên			7.727						7.273					
	Âm dương	đ/viên			9.091						8.636					
	Bộ viền âm dương	đ/viên			60.000						59.091					
	Ngói nóc nhỏ	đ/viên			8.182						7.727					
VI	**Nhựa đường**															
1	**CTY TNHH Thương Mại-Sản Xuất- Dịch vụ Tín Thịnh . Địa chỉ: số 102H, đường Nguyễn Xuân Khoát.P.Tân Thành.Q.Tân Phú.Tp HCM.Điện Thoại: (028) 62678195.Cập nhật theo Báo giá Nhựa đường đóng phuy ngày 01/5/2021 kèm công văn số 0521/KKG/XD-TC/LD ngày 01/5/2021 về việc đăng ký giá của Cty TNHH TM SX-DV Tín Thịnh.**															
	Nhựa đường đóng phuy Shell 60/70 Singapore chính hãng	đ/tấn			14.227.273	Địa điểm giao hàng bằng phương tiện đường bộ tại thành phố Đà Lạt (không bao gồm chi phí dỡ hàng)										
2	**CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex . Địa chỉ: tầng 05,số 01 Đinh Bộ Lĩnh .P.Lê Lợi.Tp Quy Nhơn.Tỉnh Bình Định.Điện Thoại: (0256) 3893206, giá bán các mặt hàng Nhựa đường Petrolimex tại thị trường Lâm Đồng ngày 01/4/2021 theo công văn số 047/2021/BG-NĐ.BĐ.KD của CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex. Gía bán có hiệu lực từ ngày 01/4/2021 đến 30/4/2021.(Đơn giá là giá giao tại Tp Đà Lạt)**															
	Nhựa đường Petrolimex đặc nóng 60/70	đ/kg	13.000		13.000											
	Nhựa đường Petrolimex phuy 60/70 (190kg/phuy)	đ/kg	14.100		14.100	Địa bàn Tp Bảo Lộc và các huyện liên hệ với Công ty để có báo giá cụ thể theo từng địa bàn										
	Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS1-Xá	đ/kg	12.600		12.600											
	Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS2-Xá	đ/kg	13.500		13.500											

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Nhũ tươnggốc Axit 60%-Xá	đ/kg	13.000		13.000											
	Nhựa đường lỏng Petrolimex MC70-Xá	đ/kg	17.500		17.500											
VII	**Bê tông nhựa đường**															
	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai . Địa chỉ: số 2, đường số 1, KCN Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. VP đại diện miền Nam: Lầu 2, Tòa nhà 99, số 99 Đường C18, Phường 12, Quận Tân Bình.TP HCM. Điện thoại liên hệ:0776.446.688. Theo công văn số 27/2021/CV-TGĐ ngày 25/02/2021 kèm theo Bảng giá các sản phẩm hàng hóa VLXD.Mức giá áp dụng từ ngày 01/01/2021 cho đến khi có công bố thay đổi.Gía bán đã bao gồm chi phí vận tải từ nhà máy đến trung tâm TP.Đà Lạt.Ngoài địa điểm trên mỗi km phụ trội sẽ tính thêm 3.000 VNĐ/tấn.															
	Dòng sản phẩm thứ I															
	Carboncor Asphalt-CA 6.7 (25kg/bao)	đ/tấn	3.745.000		3.745.000											
	Carboncor Asphalt-CA 9.5 (25kg/bao)	đ/tấn	3.745.000		3.745.000											
	Dòng sản phẩm thứ II															
	Carboncor Asphalt-CA 19 (Bê tông nhựa rỗng Carbon) (25kg/bao)	đ/tấn	2.535.000		2.535.000											
VIII	**Đèn; Đèn trang trí; Đèn chiếu sáng**															
1	**Công ty TNHH SX Super Thái Dương, địa chỉ: 247/8B Hoàng Hoa Thám, P.05, Quận Phú Nhuận,Tp. HCM.Hotline:0913.42.0009.Phòng Kinh doanhP. Dự án.Nhà máy SX: Khu Công nghiệp Cần Guộc Tp.HCM. Theo bảng giá bán ngày 09/4/2021. của Công ty TNHH SX Super Thái Dương.Đơn giá có hiệu lực từ ngày 09/4/2021 đến ngày 08/4/2022.Đơn giá tại tỉnh Lâm Đồng**															
					Giá bán tại tỉnh Lâm Đồng đến chân tại công trình											
	Bộ đèn đường SUPER LED 80W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			7.425.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 90W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			7.830.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 100W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			8.640.000											

Địa bàn Tp Bảo Lộc và các huyện liên hệ với Công ty để có báo giá cụ thể theo từng địa bàn

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Bộ đèn đường SUPER LED 115W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			8.775.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 120W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			8.910.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 125W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			9.045.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 135W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			9.490.000											
	Bộ đèn đường SUPER LED 150W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			10.260.000											
	Bộ đèn pha LED sử dụng chip LED / DRIVER: PHILIPS LIGHTING POLAND - bảo hành 05 năm (Giá đến tại chân công trình)															
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 150W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			10.760.000											
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 200W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu:	bộ			14.250.000											
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 300W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			15.600.000											
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 380W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ			17.100.000											
7	**CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam.Địa chỉ: 233/8 Đặng Thùy Trâm, Phường 13.Q. Bình Thạnh.TP.HCM.Điện thoại: 0823 39 2345.Theo Bảng báo giá sản phẩm đèn LEDtháng 01/2021 .Thời gian áp dụng 01/01/2021.Áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng .Gía bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm**															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)													
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Đèn LE-TITAN ECO 60W, 72 leds,7200lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 568x240x100	cái			8.500.000											
	Đèn LE-TITAN ECO 80W, 108 leds,9600lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 568x240x100	cái			9.150.000											
	Đèn LE-TITAN MIDI 100W, 144 leds,12.600lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 702x314x130	cái			10.450.000											
	Đèn LE-TITAN MIDI 120W, 168 leds,14400lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 702x314x130	cái			11.350.000											
	Đèn LE-TITAN MIDI 150W, 216 leds,18000lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 842x340x140				12.800.000											